



PHIẾU AN TOÀN DỮ LIỆU
Insulcure 9

PHẦN 1: Nhận dạng chất/ hỗn hợp chất và công ty/doanh nghiệp

Nhận dạng sản phẩm

Tên sản phẩm Insulcure 9

Mục đích sử dụng của chất hoặc hỗn hợp có liên quan được xác định và mục đích sử dụng được khuyến cáo không nên

Mục đích sử dụng đã được xác định Epoxy plastic material

Chi tiết về nhà cung cấp phiếu an toàn dữ liệu

Nhà cung cấp

ITW Performance Polymers
Bay 150
Shannon Industrial Estate
Co. Clare
Ireland
V14 DF82
353(61)771500
353(61)471285
mail@itwpp.com

Số điện thoại khẩn cấp

Số điện thoại khẩn cấp +44(0)1235 239 670 (24h)

PHẦN 2: Nhận dạng nguy hại

Phân loại chất hoặc hỗn hợp

Nguy hại vật chất Không xếp loại

Nguy hại về sức khỏe Độc tính cấp tính loại 4 - H302 Độc tính cấp tính loại 4 - H312 Ăn mòn da loại 1B - H314 Tổn thương mắt loại 1 - H318 Mẫn cảm da loại 1 - H317

Nguy hại về môi trường Mãn tính thủy sinh loại 2 - H411

Thành phần nhân

Hình đồ



Từ cảnh báo

Nguy hiểm

Câu cảnh báo nguy cơ

H314 Gây bỏng da và tổn thương mắt nghiêm trọng.
H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng với da.
H411 Độc hại cho đời sống thủy sinh với ảnh hưởng lâu dài.
H302+H312 Gây hại nếu nuốt phải hoặc tiếp xúc với da.

Insulcure 9

Câu phòng ngừa	<p>P261 Tránh hít hơi/ bụi nước.</p> <p>P280 Đeo găng tay/ quần áo/ kính/ mặt nạ bảo hộ.</p> <p>P303+P361+P353 NẾU DÍNH VÀO DA (hoặc tóc): Cởi quần áo nhiễm hóa chất ngay lập tức. Rửa sạch da bằng nước/ tắm.</p> <p>P305+P351+P338 NẾU DÍNH VÀO MẮT: Rửa cẩn thận với nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng, nếu có và dễ tháo. Tiếp tục rửa.</p> <p>P312 Gọi TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC/ bác sĩ nếu cảm thấy không khỏe.</p> <p>P333+P313 Nếu thấy da bị kích ứng hoặc mẩn: Tìm hỗ trợ y tế/ tìm sự trợ giúp.</p>
Bao gồm	3,6,9-TRIAZUNDECAMETHYLENEDIAMINE

Các nguy hại khác

Sản phẩm này không chứa bất kỳ chất nào được phân loại PBT (bền vững, dễ tích tụ sinh học và độc hại) hoặc vPvB (rất bền vững, rất dễ tích tụ sinh học).

PHẦN 3: Thành phần/thông tin về thành phần

Hỗn hợp

3,6,9-TRIAZUNDECAMETHYLENEDIAMINE	60-100%
Số CAS: 112-57-2	
Phân loại	
Độc tính cấp tính loại 4 - H312	
Ăn mòn da loại 1B - H314	
Mẩn cảm da loại 1 - H317	
Mẩn tính thủy sinh loại 2 - H411	

Văn bản đầy đủ của tất cả các câu cảnh báo nguy hại được hiển thị ở Phần 16.

PHẦN 4: Biện pháp sơ cứu

Mô tả các biện pháp sơ cứu

Sự hít phải	Đưa người bị ảnh hưởng đến nơi thoáng khí ngay lập tức. Nếu ngừng thở, hô hấp nhân tạo. Tìm hỗ trợ y tế nếu sự khó chịu vẫn tiếp tục.
Sự ăn phải	Không cố nôn ra. Không bao giờ được cho bất kỳ thứ gì qua đường miệng cho một người đang bất tỉnh. Tham khảo ý kiến bác sĩ để được tư vấn cụ thể.
Tiếp xúc với da	Cởi bỏ quần áo bị nhiễm hóa chất. Rửa ngay với nhiều nước. Tiếp tục rửa trong ít nhất 15 phút. Tìm hỗ trợ y tế nếu vẫn kích ứng sau khi rửa.
Tiếp xúc với mắt	Rửa ngay với nhiều nước. Tháo kính áp tròng nếu có và mở to mắt. Tiếp tục rửa trong ít nhất 15 phút. Tìm hỗ trợ y tế ngay lập tức. Tiếp tục rửa.

Các triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng nhất, cả cấp tính và mãn tính

Thông tin chung	Mức độ nghiêm trọng của các triệu chứng được mô tả sẽ khác nhau tùy thuộc vào nồng độ và thời gian tiếp xúc.
------------------------	--

Chỉ định chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt cần thiết

Ghi chú cho bác sĩ	Không có khuyến nghị cụ thể. Nếu có nghi ngờ, tìm hỗ trợ y tế ngay lập tức.
---------------------------	---

PHẦN 5: Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

Cách chữa cháy

Cách chữa cháy phù hợp	Dập lửa với cacbon dioxit và bột khô.
-------------------------------	---------------------------------------

Những nguy hại đặc biệt phát sinh từ chất hoặc hỗn hợp

Insulcure 9

Các sản phẩm cháy nguy hại Không phân hủy khi được sử dụng và lưu trữ như được khuyến nghị.

Lời khuyên cho nhân viên cứu hỏa

Những hành động bảo hộ trong khi chữa cháy Sử dụng nước để làm mát các thùng chứa tiếp xúc với lửa và phân tán hơi.

Thiết bị bảo hộ đặc biệt cho lính cứu hỏa Đeo bình thở dưỡng khí oxy áp lực dương và mặc quần áo bảo hộ phù hợp.

PHẦN 6: Biện pháp xử lý tai nạn

Các cảnh báo cá nhân, thiết bị bảo vệ và quy trình khẩn cấp

Những cảnh báo cho cá nhân Do not breathe vapour. Cung cấp hệ thống thông gió tốt.

Các cảnh báo về môi trường

Những cảnh báo về môi trường Không xả thải vào ống thoát nước hoặc hệ thống nước hoặc trên mặt đất.

Các phương pháp và chất liệu để ngăn chặn và làm sạch

Các phương pháp lau dọn Cung cấp hệ thống thông gió tốt. Hấp thụ tràn đổ bằng chất liệu trơ, ẩm, không dễ cháy. Giội rửa khu vực bị ô nhiễm với nhiều nước.

Tham khảo cho các phần khác

Tham khảo cho các phần khác Mặc quần áo bảo hộ như được mô tả ở Phần 8 của phiếu dữ liệu an toàn này.

PHẦN 7: Xử lý và lưu giữ

Các cảnh báo cho việc an toàn sử dụng

Những lưu ý khi sử dụng Cung cấp hệ thống thông gió tốt. Tránh hít phải hơi.

Các điều kiện an toàn lưu giữ, bao gồm cả những điều không nên

Những cảnh báo về lưu giữ hóa chất Lưu trữ trong thùng chứa gốc ban đầu, đóng kín, ở nơi khô ráo và thoáng mát. Tránh tiếp xúc với chất oxy hóa. Không lưu trữ gần các chất liệu sau: Axit. Không lưu trữ gần các chất liệu không tương thích (xem Phần 10).

Mục đích sử dụng cụ thể cuối cùng

(Những) mục đích sử dụng cụ thể cuối cùng Các công dụng đã được xác định của sản phẩm này được trình bày trong Phần 1.

PHẦN 8: Quản lý Phơi nhiễm/ bảo hộ cá nhân

Chú thích thành phần Không có giới hạn phơi nhiễm cho các thành phần này.

Quản lý phơi nhiễm

Thiết bị bảo hộ



Kiểm soát kỹ thuật phù hợp Cung cấp đầy đủ hệ thống thông gió chung và quạt hút thông gió khu vực. Xem tất cả các giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp của sản phẩm hoặc của các thành phần.

Bảo hộ mắt/mặt Đeo thiết bị bảo hộ sau: Kính chống hóa chất bắn tóe. Phải đeo thiết bị bảo hộ cá nhân cung cấp sự bảo vệ mắt và mặt phù hợp.

Insulcure 9

Bảo hộ tay	Loại găng tay thích hợp nhất nên được lựa chọn sau khi tham vấn với nhà cung cấp/nhà sản xuất găng tay, những người có thể cung cấp thông tin về thời gian thẩm thấu của chất liệu làm găng. Để bảo vệ tay khỏi hóa chất, đeo găng tay đã được chứng minh là kháng hóa chất và chống ăn mòn. Găng tay được lựa chọn phải có thời gian thẩm thấu ít nhất 8 giờ.
Bảo hộ khác cho da và cơ thể	Cung cấp nơi để rửa mắt và tắm. Đeo tạp dề hoặc quần áo bảo hộ trong trường hợp tiếp xúc.
Các biện pháp về vệ sinh	Cung cấp nơi để rửa mắt và tắm. Wash hands after handling. Cởi bỏ ngay lập tức quần áo vừa bị ướt hoặc nhiễm hóa chất. Rửa sau khi sử dụng và trước khi ăn, hút thuốc và sử dụng toilet.
Bảo hộ cho hô hấp	Sử dụng thiết bị bảo vệ hô hấp nếu mức ô nhiễm không khí vượt quá giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp được khuyến nghị. Việc lựa chọn mặt nạ phải dựa trên mức độ phơi nhiễm, nguy hại của sản phẩm và giới hạn an toàn nơi làm việc của mặt nạ được chọn lựa. Mặt nạ phải vừa với khuôn mặt và bộ lọc phải được thay thường xuyên. Đeo mặt nạ phòng độc cả mặt hợp với bộ lọc sau: Bộ lọc hơi hữu cơ. Bộ lọc khí, loại A2. Phải sử dụng mặt nạ hô hấp cả mặt với bộ lọc có thể thay thế được phù hợp với mục đích sử dụng.

PHẦN 9: Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Thông tin về tính chất lý, hóa cơ bản của hóa chất

Hình dáng bên ngoài	Chất lỏng.
Màu sắc	Vàng hổ phách.
Độ pH	pH (dung dịch đậm đặc): Not determined
Điểm nóng chảy	Not determined°C
Điểm sôi ban đầu và phạm vi sôi	Not determined°C @
Điểm chớp cháy	>200 degree F°C
Tỷ lệ hóa hơi	«59» «184» «109020»
Áp suất hơi	@ °C
Tỷ trọng hơi	«59» «184»
Nhiệt độ tự bốc cháy	Not determined°C
Tính dễ bay hơi của hợp chất hữu cơ	Sản phẩm này chứa hàm lượng VOC tối đa là <1% .

PHẦN 10: Mức độ ổn định và khả năng hoạt động của hóa chất

Khả năng hoạt động của chất	Axit. Kiềm.
Mức độ ổn định của chất	Bền ở nhiệt độ thường và được sử dụng như khuyến nghị.
Khả năng gây ra phản ứng nguy hại	Không có.
Các tình trạng cần tránh	Tránh nhiệt. Tránh tiếp xúc với các chất liệu sau: Chất oxy hóa mạnh.
Các vật liệu cần tránh	Axit - oxy hóa. Kiềm - vô cơ. Kiềm - hữu cơ. Peroxit. Phenol, cresol.
Các sản phẩm cháy nguy hại	Chưa biết.

PHẦN 11: Thông tin về độc tính

Insulcure 9

Thông tin về tác động của độc tính

Độc tính cấp tính- qua đường miệng

Dự đoán độ độc cấp tính qua đường miệng (mg/kg) 55.556,0

Độc tính cấp tính- qua da

Dự đoán độ độc cấp tính qua da (mg/kg) 122.222,0

Sự ăn phải	Oral - Rat LD50 3990 mg/kg (Details of toxic effects not reported other than lethal dose value).
Tiếp xúc với mắt	Rabbit Standard Draize Test: 5 mg (moderate), Rabbit standard draize test 100 mg/24h (moderate)

PHẦN 12: Thông tin về sinh thái

Độc tính môi sinh Không có thông tin về các tác động đối với môi trường nào được tìm thấy.

Độc tính Very toxic to aquatic organisms.

Độ bền vững và độ phân hủy

Độ bền và độ phân hủy Không có dữ liệu về tính phân hủy sinh học của sản phẩm này.

Tiềm năng tích tụ sinh học

Khả năng tích lũy sinh học Không có dữ liệu về độ tích tụ sinh học.

Tính di động trong đất

Tính di động Không được cho là có tính di động.

Các tác động có hại khác

Các tác động có hại khác Không có.

PHẦN 13: Cân nhắc trong việc thải bỏ

Các biện pháp xử lý chất thải

Thông tin chung Chất thải phải được xử lý như chất thải được kiểm soát. Thải bỏ chất thải ở khu xử lý chất thải có giấy phép theo yêu cầu của Cơ quan Xử lý Chất thải địa phương.

Các phương pháp thải bỏ Thải bỏ chất thải ở khu xử lý chất thải có giấy phép theo yêu cầu của Cơ quan Xử lý Chất thải địa phương.

PHẦN 14: Thông tin trong việc vận chuyển

Chung Không có thông tin khác.

Số UN

Số UN (Đường bộ/Đường sắt) 2320

Số UN (IMDG) 2320

Số UN (ICAO) 2320

Tên vận chuyển chuẩn UN

Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (Đường bộ/Đường sắt) TETRAETHYLENEPENTAMINE

Insulcure 9

Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (IMDG) TETRAETHYLENEPENTAMINE

Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (ICAO) TETRAETHYLENEPENTAMINE

Vận chuyển các nhóm chất nguy hại

Nhóm Đường bộ/Đường sắt 8

Nhãn Đường bộ/Đường sắt 8

Nhóm IMDG 8

Nhóm/ mục ICAO 8

Nhãn vận chuyển



Nhóm đóng gói

Nhóm đóng gói Đường bộ/Đường sắt III

Nhóm đóng gói IMDG III

Nhóm đóng gói ICAO III

Các nguy hại về môi trường

Chất gây nguy hại cho môi trường/ chất ô nhiễm thủy sinh



Những lưu ý đặc biệt cho người sử dụng

EmS F-A, S-B

Số xác định nguy hại (Đường bộ/Đường sắt) 80

Vận chuyển số lượng lớn theo Phụ lục II của MARPOL 73/78 và mã IBC Không yêu cầu dữ liệu thông tin.

PHẦN 15: Thông tin luật định

PHẦN 16: Thông tin khác

Ngày sửa đổi 04/04/2018

Sửa đổi 5

Ngày thay thế 13/07/2015

Insulcure 9

- Câu cảnh báo nguy hại đầy đủ**
- H302 Gây hại nếu nuốt phải.
 - H312 Gây hại nếu tiếp xúc với da.
 - H314 Gây bỏng da và tổn thương mắt nghiêm trọng.
 - H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng với da.
 - H318 Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.
 - H411 Độc hại cho đời sống thủy sinh với ảnh hưởng lâu dài.

Thông tin này chỉ áp dụng cho chất liệu cụ thể được ghi rõ và có thể vô giá trị khi chất liệu này được sử dụng kết hợp với chất liệu khác hoặc trong quá trình khác. Thông tin này, dựa trên kiến thức tốt nhất và niềm tin của công ty, là chính xác và đáng tin cậy kể từ ngày được ghi. Tuy nhiên, không có bảo đảm hoặc tuyên bố chính thức nào về tính chính xác, độ tin cậy hoặc tính trọn vẹn của thông tin. người sử dụng tự có trách nhiệm trong việc sử dụng thông tin phù hợp với yêu cầu sử dụng riêng của bản thân.